

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC CỦA WTO

Nguyễn Thị Quỳnh Thư

Công ty TNHH Máy tính Vĩnh Xuân

Trước khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, cách nhìn chung của phần đông những người hoạt động trong ngành giáo dục đều coi giáo dục là một phúc lợi xã hội hoạt động theo nguyên tắc phi thương mại. Nhưng trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO, Việt Nam đã theo đuổi lập trường tích cực, chủ động và đã cam kết thực hiện Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục. Điều này cũng có nghĩa là sau khi gia nhập WTO, giáo dục là một dịch vụ trong hoạt động thương mại.

Thị trường giáo dục đại học ở Việt Nam đang được các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá là một thị trường tiềm năng do hệ thống các trường đại học của Việt Nam hiện nay, hoàn toàn không có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu đại chúng hóa và nâng cao chất lượng giáo dục đại học theo tinh thần của Nghị quyết 14-2005. Các nhà cung ứng giáo dục nước ngoài của Mỹ, Anh, Úc, Nhật, Pháp... cũng như các nhà cung ứng giáo dục nước ngoài của Trung Quốc, Ấn Độ, Singapore, Thái Lan... đang có nhu cầu lớn về xuất khẩu giáo dục sang Việt Nam. Theo xu thế hiện nay, việc đầu tư xây dựng trường mới sẽ không có nhiều, nhưng các cơ sở liên kết chắc chắn sẽ phát triển rất sôi động. Vì vậy, sau khi thực hiện cam kết về GATS như trên, bức tranh giáo dục đại học Việt Nam sẽ có biến động mạnh mẽ với sự ra đời của khá nhiều cơ sở giáo dục nước ngoài, chủ yếu là các cơ sở giáo dục liên kết.

Khái niệm đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là một khái niệm tương đối mới mẻ đối với các nước đang phát triển. Trước đây, giáo dục được xem như một vấn đề phúc lợi nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập của xã hội, tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, vai trò của giáo dục ngày càng tăng thì đầu tư vào giáo dục không còn là công việc riêng của Nhà nước mà đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

1. Sự cần thiết phải thu hút thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

1.1. Vị trí của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế xã hội

Giáo dục ngày càng đóng vai trò quan trọng: Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ là một trong những nguyên nhân dẫn tới các cuộc cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các quốc gia và các tổ chức kinh tế toàn cầu. Thực chất của cuộc chiến trên thương trường đó là cuộc cạnh tranh về trình độ khoa học, công nghệ và nhân tài. Một quốc gia muốn tiến kịp với xu thế phát triển thì quốc gia đó phải có một đội ngũ nhân lực đủ trình độ. Để xây dựng được lực lượng lao động có năng lực và trình độ thì phải có một hệ thống giáo dục có khả năng đào tạo thế hệ trẻ tiếp cận, học tập và sử dụng các kiến thức mới. Như vậy, giáo dục đào tạo vừa là thách thức, vừa là cơ hội, vừa là nhiệm vụ của bất kỳ quốc gia nào. Công việc này lại càng nặng nề hơn đối với các nước đang phát triển như Việt Nam.

Giáo dục là động lực đẩy mạnh xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới: Ngày nay, toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu khách quan mà không một quốc gia nào, một nền kinh tế nào có thể tránh được. Do vậy, việc xác định lợi thế cạnh tranh của mình, định hướng phát triển và kết nối với các nền kinh tế trên thế giới để cùng phát triển là những việc tất yếu đối với mỗi quốc gia. Vì vậy, xây dựng một chiến lược phát triển nguồn nhân lực có trình độ trí tuệ và tay nghề cao nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh là một trong những cách chủ động hội nhập vào xu thế này.

Xu thế toàn cầu hóa đòi hỏi ngày càng cao đối với phát triển dịch vụ giáo dục: Toàn cầu hóa là cơ hội lớn cho các nước đang phát triển trong việc chuyển giao và thừa hưởng những thành quả công nghệ hiện đại, những đột phá sáng tạo về khoa học công nghệ, về tổ chức quản lý, về sản xuất kinh doanh mang lại những nguồn lực quan trọng, từ nguồn vật chất tới các nguồn tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Tuy nhiên, các nước đang phát triển để có được nền khoa học và công nghệ thực sự phát triển thì cần phải có một nền giáo dục tương xứng. Vì vậy, giáo dục đào tạo ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các nước đang phát triển.

Giáo dục là yếu tố chủ lực cho quá trình đi lên của nền kinh tế tri thức: Trong khoảng từ những năm 1980 của thế kỷ 20 tới nay, cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đã có bước phát triển đặc biệt, tạo ra những biến đổi mạnh mẽ, sâu sắc chưa từng có trong lịch sử nhân loại. Thành tựu của các ngành công nghệ cao trụ cột chính như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng đã đưa sự phát triển kinh tế sang một giai đoạn mới về chất – giai đoạn kinh tế tri thức. Như vậy, bên cạnh nền kinh tế nông nghiệp, kinh tế công nghiệp đã có thêm nền kinh tế mới – kinh tế tri thức. Trong nền kinh tế này, khoa học công nghệ và giáo dục giữ vị trí trung tâm.

Giáo dục đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế: Ngày nay, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc rất lớn vào sự thay đổi của trình độ công nghệ. Nhưng sự thay đổi này lại được quyết định bởi lực lượng lao động có tay nghề và trình độ cao. Lực lượng lao động này chỉ có thể phát triển trên cơ sở một nền giáo dục đào tạo có chất lượng của quốc gia. Mặt khác, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc vào năng suất lao động. Điều này lại phụ thuộc vào trình độ của người lao động.

Giáo dục góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu: Cuộc cách mạng thông tin hiện nay đang tạo điều kiện thuận lợi để tiếp thu các tinh hoa văn hóa của các nước, nhưng đồng thời cũng làm cho các nền văn hóa dễ bị pha tạp và mất bản sắc. Vì vậy, giáo dục đào tạo là cách hiệu quả nhất để phát huy những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Tóm lại, giáo dục đào tạo không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực để phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế để có một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc và công bằng xã hội. Nguồn gốc của sự phát triển và thịnh vượng không chỉ là tài nguyên thiên nhiên, vốn mà quan trọng nhất là khả năng sáng tạo của con người. Nhờ có giáo dục mà mỗi con người có năng lực trí tuệ, có hiểu biết và có khả năng nghề nghiệp. Hầu hết các nước trên thế giới đều đặt giáo dục ở vị trí hàng đầu trong các ưu tiên phát triển kinh tế xã hội đất nước. Ở nước ta, điều 35 Hiến pháp cũng xác định, “*Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân*”. Đồng thời, hàng năm Nhà nước cũng trao các phần thưởng cho những nhân tài của đất nước, cấp học bổng tạo điều kiện cho các nhân tài đó có điều kiện tiếp tục học tập và nghiên cứu.

1.2. Nhu cầu về vốn FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư vào vốn con người. Cũng như đầu tư vào vốn vật chất, nhà đầu tư quan tâm tới chi phí bỏ ra và lãi suất thu về trong tương lai. Nhưng trong đầu tư cho giáo dục, lợi ích thu về không thể tính được một cách chính xác vì giáo dục bao gồm cả các giá trị kinh tế và phi kinh tế. Các giá trị này khó có thể tính toán, và thường chỉ thể hiện sau một thời gian khá dài, khoảng 10-15 năm.

Một đặc điểm khác nữa của đầu tư vào giáo dục là vấn đề cung cầu. Không giống với các hàng hóa vật chất và dịch vụ khác có thể bị bão hòa do cung quá nhiều, cầu trong giáo dục không bao giờ được thỏa mãn vì sự phát triển khoa học công nghệ và kiến thức trong giáo dục là không có giới hạn. Giáo dục đào tạo là lĩnh vực mà ở đó không có giới hạn về sự phát triển. Sự cạnh tranh ở đây cũng chính là phát triển và nâng cao trình độ của chính mình.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc đầu tư vào dịch vụ giáo dục cũng đồng nghĩa với việc phải đầu tư một lượng vốn khổng lồ trong một thời gian tương đối dài. Điều này không hề dễ dàng đối với bất kỳ một nước đang phát triển nào, nơi mà vấn đề thiếu vốn cho phát triển nói chung còn nặng nề. Vì vậy, các quốc gia này phải huy động mọi nguồn lực kể cả trong và ngoài nước để đầu tư cho lĩnh vực này.

Mặc dù nhu cầu đầu tư vốn cho giáo dục là rất lớn, nhưng với thực trạng trình độ quản lý, phương pháp tiếp cận lạc hậu so với nhu cầu phát triển hiện tại nên các nước đang phát triển cần học hỏi các nước phát triển cũng như sự giúp đỡ từ các nước này. Trong trường hợp đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực này mang theo những giá trị vô giá về phương pháp giảng dạy, nghiên cứu, quản lý khoa học, là chìa khóa hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn và khó khăn mà các nước đang phát triển phải đối mặt.

Trong những thập kỷ gần đây, số lượng học sinh, sinh viên, cán bộ từ các nước đang phát triển đi sang các nước phát triển học tập, nghiên cứu ngày càng tăng và bằng nhiều con đường khác nhau: dựa vào khả năng tài chính của bản thân và gia đình, học bổng của Nhà nước, học bổng từ các tổ chức trong và ngoài nước và các tổ chức kinh tế... Đó là cơ hội lớn để học sinh, sinh viên, cán bộ tiếp cận với kiến thức mới, phương pháp học tập và nghiên cứu hiện đại, đồng thời tiếp xúc với nền văn hóa của các nước trên thế giới. Nhưng vấn đề đặt ra là không phải ai cũng có được những cơ hội đó. Số lượng du học sinh, sinh viên chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số lượng học sinh, sinh viên trên toàn quốc. Bên cạnh đó, nếu nhìn nhận trong quan hệ kinh tế thì việc đi du học nước ngoài chính là hình thức mua dịch vụ tại một nước khác, khi đó sẽ bị mất đi một khoản ngoại tệ. Đó là chưa kể đến tình trạng nhiều người sau khi du học đã không trở về nước mà tiếp tục sinh sống và làm việc tại nước ngoài, dẫn đến sự chảy máu chất xám đối với các nước đang phát triển. Trong khi đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào dịch vụ giáo dục có thể tháo gỡ được những nhược điểm trên, khi nhà đầu tư nước ngoài xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học, trường học và đầu tư các trang thiết bị hiện đại để học tập và nghiên cứu ngay tại các nước mà họ đến đầu tư. Như vậy, cán bộ nghiên cứu, giáo viên, học sinh, sinh viên có thể nghiên cứu và học tập ngay tại quê hương mình, do đó, có thể tiết kiệm được chi phí và tránh được hiện tượng chảy máu chất xám.

1.3. Việt Nam có khả năng thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục

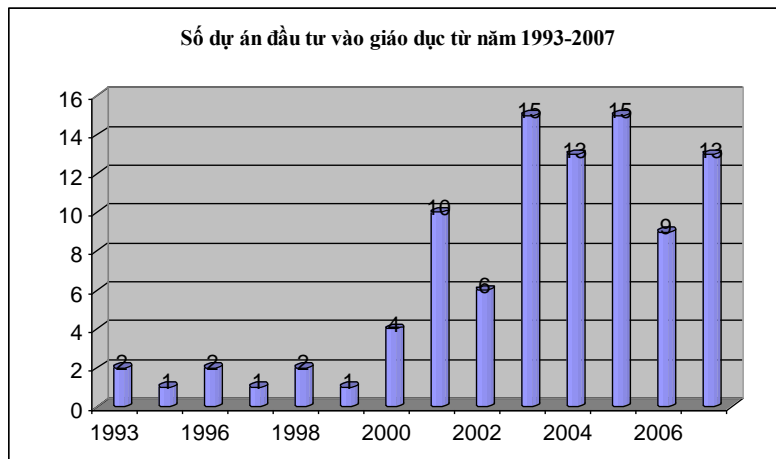
Sự đổi mới và phát triển giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội tốt để giáo dục Việt Nam nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, những quan niệm, phương thức tổ chức mới, tận dụng được kinh nghiệm quốc tế để đổi mới và phát triển, khắc phục nguy cơ tụt hậu, từng bước nâng cao trình độ, uy tín và năng lực cạnh tranh của hệ thống giáo dục nước ta trong quá trình hội nhập với khu vực và quốc tế.

Nhìn chung, Việt nam được đánh giá là nước có môi trường chính trị và xã hội ổn định so với các nước khác trong khu vực. Tổ chức Tư vấn Rủi ro Kinh tế và Chính trị (PERC) tại Hồng Kông xếp Việt nam ở vị trí thứ nhất về khía cạnh ổn định chính trị và xã hội sau sự kiện 11/9. So với các nước ASEAN khác như In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, và Trung quốc, Việt Nam ít có các vấn đề liên quan đến tôn giáo và mâu thuẫn sắc tộc hơn. Sau khi đưa ra chính sách *„Đổi mới„*, Việt Nam đã và đang đạt được mức tăng trưởng GDP ổn định. Sự ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô đang được duy trì. Việt nam được đánh giá là nơi an toàn để đầu tư. Đảng cộng sản Việt Nam đã điều hành đất nước trong nhiều thập kỷ qua và không ai mong muốn có những thay đổi trong môi trường chính trị. Các giới chức đã ủng hộ một chính sách cải cách và quá trình chuyển sang một nền kinh tế thị trường đang tiếp tục. Trong khung cảnh của những sự kiện diễn ra trong vài năm qua liên quan đến chủ nghĩa khủng bố, Việt Nam được biết đến như là một trong những nước an toàn nhất xét về các tội ác chống con người và quyền sở hữu.

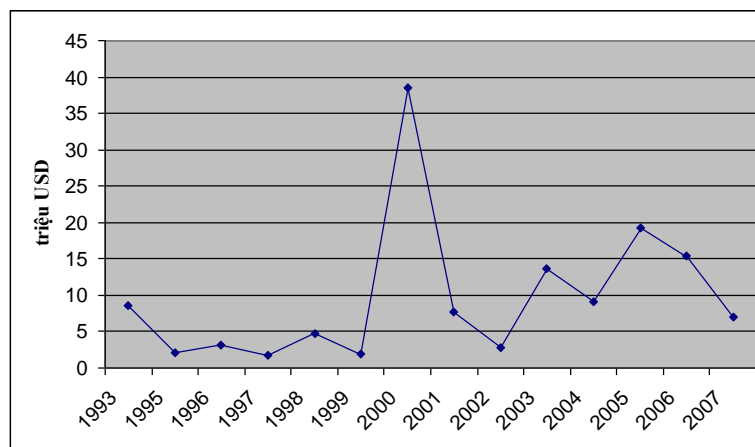
Tại Việt Nam, mầm mống của một thị trường các dịch vụ về giáo dục cũng đã xuất hiện trong những năm gần đây và ngày càng có xu thế phát triển. Đây là một tín hiệu lành mạnh đáp ứng nhu cầu đòi hỏi thực tiễn và hoàn toàn phù hợp với tiến trình phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Dịch vụ giáo dục ra đời ở nước ta là thể hiện tính dân chủ hóa và xã hội hóa của giáo dục. Mặt khác, tác động của xu thế toàn cầu hóa giáo dục, sự phát triển của nền kinh tế tri thức, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trên mọi lĩnh vực và tính cạnh tranh sẽ ngày càng tăng. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, ngày nay ở nước ta đang phải đối mặt với sự thiếu hụt đội ngũ nhân lực có nghiệp vụ, tay nghề cao và đang dư thừa đội ngũ những người có trình độ nghiệp vụ, tay nghề thấp, không phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ có các dịch vụ giáo dục mới đủ khả năng cân bằng lại sự chênh lệch này.

2. Kết quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục trong 20 năm qua

Trong 20 năm qua, nước ta cũng đã đạt được một số thành công nhất định trong hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển dịch vụ giáo dục. Số dự án đầu tư hàng năm nhìn chung là tăng và đặc biệt tăng với tốc độ nhanh chóng kể từ năm 2000. Đỉnh cao là năm 2003 và 2005 với 15 dự án.



Hình 2.3. Số dự án đầu tư vào giáo dục từ năm 1993-2007
(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cục Đầu tư nước ngoài)



Hình 2.4. Vốn đầu tư của các dự án từ năm 1993-2007
(Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cục Đầu tư nước ngoài)

Năm 2000 chỉ chiếm một lượng dự án khiêm tốn là 4 dự án nhưng là năm có số vốn đầu tư lớn nhất trong tất cả các năm (*gần 40 triệu USD*) do các dự án chủ yếu là các dự án lớn, nhằm thành lập đại học, viện ngôn ngữ và các trung tâm. Nhìn chung vốn đầu tư của các dự án qua các năm có xu hướng tăng song riêng năm 2007 lại có xu hướng giảm do Việt Nam phải thực hiện cam kết WTO về dịch vụ giáo dục.

Số lượng và nguồn vốn các dự án đầu tư vào dịch vụ giáo dục nhìn chung có xu hướng tăng. Trong số các địa phương thu hút đầu tư nước ngoài vào giáo dục, hai địa phương thu hút phần lớn vốn đầu tư nước ngoài là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Vừa là địa phương có dự án đầu tư nước ngoài đầu tiên trong lĩnh vực giáo dục, vừa là nơi thu hút nhiều nhất đầu tư trong lĩnh vực này, thành phố Hồ Chí Minh hiện có 59 dự án đầu tư nước ngoài thành lập các cơ sở giáo dục đào tạo đã được cấp phép, với tổng vốn đăng ký trên 33 triệu USD. Tiếp đó là Hà Nội với 21 dự án, tổng vốn đăng ký 3,5 triệu USD. Các địa phương khác như Hải Phòng, Hà Tây, Đà Nẵng, Hải Dương cũng đã

có các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài với quy mô vốn từ 500 nghìn đến 1 triệu USD. Nhìn chung, quy mô vốn bình quân của các dự án khoảng từ 450 nghìn đến 600 nghìn USD, một con số vẫn còn khá khiêm tốn so với các ngành khác.

Về đối tác đầu tư, Australia là đối tác lớn nhất trong lĩnh vực giáo dục đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài. Với 10 dự án, trong đó có dự án thành lập Đại học RMIT Việt Nam với tổng vốn đầu tư trên 37 triệu USD, Australia đã chứng tỏ vai trò của mình trong việc thiết lập các cơ sở giáo dục có danh tiếng ở Việt Nam. Singapore là nước có số lượng dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Việt Nam lớn nhất (23 dự án), tuy nhiên, quy mô các dự án này tương đối nhỏ nên tổng vốn đăng ký cũng chỉ là 3,4 triệu USD. Hoa Kỳ, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản cũng có nhiều dự án dạy nghề, dạy ngoại ngữ, dạy phổ thông tại Việt Nam.

Về hình thức đầu tư, các dự án đều đầu tư theo hình thức 100% vốn nước ngoài với cấp đào tạo chủ yếu là dạy nghề, dạy tiếng, tin học... Ngoài ra, giáo dục mầm non chiếm số lượng dự án nhiều nhất (9 dự án) với tổng số vốn đạt gần 17 triệu USD. Đào tạo đại học thì chỉ có duy nhất một dự án Đại học quốc tế RMIT Việt Nam của Australia với số vốn đăng ký gần 4 triệu USD. Giáo dục tiểu học, trung học và phổ thông có tổng cộng 4 dự án với tổng số vốn đăng ký chiếm gần 12 triệu USD..

3. Đánh giá thực trạng thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

3.1. Ưu điểm trong việc thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

Ngay từ những năm đầu của Luật Đầu tư nước ngoài, khi giáo dục và đào tạo còn là lĩnh vực rất mới mẻ trong thu hút đầu tư nước ngoài, thì việc một số nhà đầu tư đề xuất thành lập trường phổ thông đã phần nào đáp ứng nhu cầu học tập của con em các nhà đầu tư và các doanh nhân đến sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Gần đây, ngoài các dự án giáo dục phổ thông dành cho con em người nước ngoài, các dự án cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục mầm non cũng đã được cấp phép khá nhiều. Đây là những cơ sở chất lượng cao không chỉ dành cho con em người nước ngoài mà còn thu hút một lượng không nhỏ các gia đình Việt Nam có điều kiện.

Có thể nhận thấy phần nhiều các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đào tạo dành cho việc dạy ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh và gần đây là một số ngoại ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc. Tiếp đến là các dự án giảng dạy về công nghệ thông tin với 16 dự án. Điều này thể hiện sự nắm bắt nhanh nhạy của nhà đầu tư đối với nhu cầu học tập để tìm kiếm việc làm của xã hội. Ngoài ra, cũng đã có nhiều dự án dạy nghề ngắn hạn như dạy các kỹ năng văn phòng, nghiệp vụ kế toán,

marketing, quản trị kinh doanh. Các khóa học này còn có thể được thiết kế kết hợp với các chương trình tiếng Anh để nâng cao nghiệp vụ cho học viên, tạo điều kiện cho họ dễ dàng hơn khi làm việc tại các vị trí khác nhau.

Mặc dù vốn đầu tư thực hiện chưa nhiều nhưng tỷ lệ các dự án giáo dục đào tạo được triển khai thực hiện đạt con số tương đối khả quan. Hầu hết các dự án sau khi cấp phép đã triển khai hoạt động. Đối với trường đại học duy nhất có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, sau 5 năm hoạt động RMIT Việt Nam đã thiết lập được các cơ sở giảng dạy tại thành phố Hồ Chí Minh và gần đây đã mở chi nhánh ra Hà Nội. Các chuyên ngành đào tạo của RMIT Việt Nam đã phần nào đáp ứng nhu cầu học tập, du học tại chỗ theo tiêu chuẩn quốc tế không chỉ của sinh viên Việt Nam mà còn của sinh viên nước ngoài.

Các cơ sở đào tạo có vốn FDI trong thời gian qua đã đóng góp đáng kể cho ngành giáo dục đào tạo nước ta tiếp cận được nền giáo dục quốc tế với phương pháp giảng dạy, nghiên cứu, học tập... tiên tiến, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên Việt Nam được theo học các chương trình chất lượng quốc tế ngay trên quê hương mình. Phần lớn các dự án là của các nhà đầu tư đến từ Hoa Kỳ, Anh, Australia... là những nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới, có bề dày lịch sử lâu đời. Bằng cấp của các nước này được công nhận và được coi như chuẩn mực cao trên toàn thế giới.

Bên cạnh đó là sự đóng góp của các trường phổ thông, trường dạy nghề đối với việc phát triển nguồn nhân lực. Trong lĩnh vực đào tạo phổ thông, các dự án đều thu hút được nhiều học sinh và đã có nhiều học sinh tốt nghiệp nhận bằng tú tài quốc tế, có khả năng được các trường đại học danh tiếng trên thế giới nhận vào học. Trong lĩnh vực đào tạo nghề, đặc biệt là tin học và ngoại ngữ, các dự án đều được triển khai rất nhanh, tạo được uy tín với học viên và góp phần nâng cao trình độ cho đông đảo người Việt Nam, đặc biệt là thanh niên. Việc này đối với người lao động đã giúp họ có cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, tạo điều kiện nâng cao chất lượng đội ngũ lao động xuất khẩu ra nước ngoài cũng như vào các khu chế xuất, khu công nghiệp và tăng khả năng được đào tạo ở nước ngoài, giúp cho người Việt Nam tiến nhanh hơn trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

3.2. Tồn tại trong việc thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

Mặc dù đã đạt được một số thành tựu trong việc thu hút nguồn vốn FDI vào dịch vụ giáo dục, song nguồn vốn FDI vào dịch vụ giáo dục tăng chậm và không đồng đều. Quy mô các dự án tương đối nhỏ nên lượng vốn đầu tư không nhiều.

FDI vào dịch vụ giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Hiện nay, nước ta

có cơ cấu dân số rất trẻ, là độ tuổi cần và tích cực tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo. Bên cạnh đó, nước ta đang trong tình trạng thừa lao động nhưng thiếu việc làm, số lượng lao động tập trung nhiều vào nông nghiệp. Vì vậy, lực lượng lao động này cần được đào tạo nghề để chuyển sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Điều này, cho thấy nhu cầu giáo dục và đào tạo của Việt Nam là rất lớn. Đáp ứng được nhu cầu này sẽ đem lại kết quả to lớn, có lợi cho cả người lao động cũng như đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục.

Kết quả thu được trong việc thu hút và sử dụng vốn FDI vào giáo dục và đào tạo còn khá khiêm tốn, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Quy mô tính trung bình trên một dự án còn quá thấp (*khoảng 1,3 triệu USD*), số dự án đầu tư quá ít (*94 trên tổng số 8000 dự án đầu tư nước ngoài*). Hiện nay chỉ có một trường đại học quốc tế duy nhất - trường đại học RMIT - nhưng số lượng sinh viên theo học các khóa học còn khiêm tốn.

Việc xúc tiến đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực giáo dục chưa thực sự mạnh mẽ. Thực tế cho thấy đây chưa phải là lĩnh vực gây được sự chú ý, quan tâm của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Việt Nam đã thu hút FDI vào các ngành, các lĩnh vực kinh tế từ gần 80 quốc gia, trong khi đó với lĩnh vực giáo dục chỉ thu hút được từ 18 quốc gia.

Về địa bàn đầu tư, các dự án chủ yếu tập trung vào hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, chưa có một dự án FDI vào dịch vụ giáo dục được thực hiện ở nông thôn. Tại các thành phố lớn này tập trung phần lớn các cơ sở đào tạo trong nước, nhất là các trường đại học với hàng triệu sinh viên trên toàn quốc và khu vực theo học. Thêm vào đó, ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, mật độ dân số ngày càng tăng vì vậy giá tiền thuê đất cũng ngày càng leo thang, dẫn tới chi phí xây dựng dự án sẽ tăng. Mặt khác, nếu ở hai thành phố lớn này ngày càng xuất hiện nhiều các trung tâm đào tạo của cả ở trong và ngoài nước sẽ dẫn tới nguy cơ nhu cầu thị trường bị bão hòa. Trong khi đó, ở vùng nông thôn, với một lực lượng lao động dồi dào có nhu cầu lớn về giáo dục thì số dự án đăng ký cấp giấy phép đầu tư còn ít.

Các nội dung được phép thu hút FDI theo Nghị định 06/2000/NĐ-CP ban hành ngày 06/03/2000 còn ít so với nhu cầu thực tế. Về đào tạo nghề, các cơ sở đào tạo nghề trong nước hiện nay còn gặp khó khăn: các trường dạy nghề và trung học chuyên nghiệp còn thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị lạc hậu, nghèo nàn, đội ngũ giáo viên trình độ thấp, phương pháp giảng dạy thô sơ, yếu kém. Hơn nữa, đào tạo nghề còn đứng trước tình trạng những người có nghề thực sự, được đào tạo bài bản còn thiếu một cách trầm trọng.

Mặt khác, việc tuân thủ các quy định chuyên ngành giáo dục gần như chưa được chú ý và một số dự án giáo dục đào tạo còn nhiều vướng mắc trong quá trình đề xuất dự

án cũng như triển khai thực hiện.

3.3. Nguyên nhân của các tồn tại

3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Kể từ khi thực hiện chính sách đổi mới, chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định: *thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước là chủ trương nhất quán và lâu dài*. Trong đó, giáo dục đào tạo là một ngành dịch vụ đặc biệt, cần được khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài. Quan điểm này cần được thống nhất trong các cơ quan quản lý Nhà nước. Mặc dù trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, giáo dục và đào tạo được coi là lĩnh vực khuyến khích đầu tư nhưng trên thực tế, phạm vi các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài được phép hoạt động cũng còn khá hẹp. Vẫn còn một vài nơi có tư tưởng e ngại trong việc thu hút nguồn vốn này, nhất là những chuyên ngành mang tính nhạy cảm. Tư tưởng e ngại vẫn còn nên có nhiều ý kiến cho rằng nếu chưa quản lý được thì không nên cho phép. Ngay trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, dịch vụ giáo dục được coi là lĩnh vực bị hạn chế mở cửa theo lộ trình. Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa cũng như có nhiều cơ hội để lựa chọn dịch vụ cao cấp thì đây là quan điểm không còn thích hợp.

Hệ thống văn bản pháp luật và các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài vào dịch vụ giáo dục đã được sửa đổi bổ sung nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập, thể hiện ở sự chông chéo, chậm ban hành văn bản hoặc còn thiếu những quy định cho các phương thức giáo dục mới. Ngoài ra, cam kết WTO đã hạn chế hình thức đầu tư trong giáo dục đào tạo. Do vậy, cần hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục.

Mặc dù được coi là lĩnh vực khuyến khích đầu tư nhưng thực tế cho thấy trong các hoạt động xúc tiến đầu tư, các dự án giáo dục đào tạo chưa thực sự được chú trọng giới thiệu với nhà đầu tư nước ngoài. Ngay trong danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài mới được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/09/2007 chỉ có 3 dự án kêu gọi xây dựng các trường đại học (*trong tổng số 163 dự án*). Hơn nữa, đây cũng chỉ là tên dự án mà chưa có thông tin chi tiết để mời gọi các nhà đầu tư quan tâm. Trong khi nhu cầu học tập là rất lớn, nguồn vốn trong nước còn hạn hẹp thì việc tăng cường xúc tiến đầu tư nước ngoài vào các dự án này là rất cần thiết.

3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Phương pháp giáo dục còn lạc hậu và chậm đổi mới ở tất cả các cấp và bậc học. Cách dạy, cách học trong các nhà trường chủ yếu vẫn là, *“thầy đọc, trò chép”* nặng về nhồi nhét, áp đặt kiến thức, chưa phát huy tinh thần tự học, sáng tạo của người học. Cách

thức đánh giá, tổ chức thi cử chậm đổi mới, tạo nên sức ép tâm lý căng thẳng cho người học, cho xã hội và làm chậm quá trình đổi mới phương pháp dạy và học trong nhà trường. Từ đó, gây khó khăn trong việc tiếp thu phương pháp dạy và học tiên tiến của nước ngoài.

Khi đón làn sóng FDI vào giáo dục cũng có nghĩa là nền giáo dục trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt. Chính sự cạnh tranh này buộc nền giáo dục trong nước sẽ phải có những thay đổi nhất định để không bị tụt hậu như chuyển qua chế độ học tín chỉ, cải tổ toàn bộ cách dạy ngoại ngữ trong trường, giáo viên chủ yếu nói tiếng Anh trong giờ học... Và để có thể tự tin trong cạnh tranh với các đối tác nước ngoài thì một trong những yêu cầu bắt buộc là phải quốc tế hóa đội ngũ giáo viên giảng dạy, gia tăng đội ngũ nguồn nhân lực từ nước ngoài vào không chỉ trong giảng dạy mà còn trong công tác quản lý... Trong khi đó, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp, bậc học cho đến nay xét về tổng thể vẫn ở trong tình trạng yếu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, một số bộ phận còn yếu cả về tư cách đạo đức. Do đó, họ chưa tạo nên động lực để thúc đẩy nền giáo dục phát triển và hội nhập.

4. Một số kiến nghị và giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục trong bối cảnh Việt Nam là thành viên chính thức của WTO

4.1. Thống nhất nhận thức và quan điểm thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục

Như trên đã nói, trước khi Việt Nam gia nhập WTO, cách nhìn chung của phần đông những người hoạt động trong ngành giáo dục đều coi giáo dục là một phúc lợi xã hội hoạt động theo nguyên tắc phi thương mại. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO, Việt Nam đã theo đuổi lập trường tích cực, chủ động và đã cam kết thực hiện Hiệp định chung về thương mại dịch vụ đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục. Điều này cũng có nghĩa là sau khi gia nhập WTO, chúng ta phải có một cái nhìn khác, đó là giáo dục là một dịch vụ trong hoạt động thương mại và thương mại dịch vụ giáo dục cần được tự do hóa. Mặc dù trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, giáo dục và đào tạo được coi là lĩnh vực khuyến khích đầu tư nhưng trên thực tế, phạm vi các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn FDI được phép hoạt động còn khá hẹp và vẫn còn một vài nơi, một số cá nhân chưa thực sự yên tâm với việc thu hút nguồn vốn này, nhất là trong những chuyên ngành mang tính nhạy cảm.

Với tư cách là một ngành dịch vụ, giáo dục đào tạo còn dư địa lớn để kêu gọi đầu tư. Cùng với các ngành như ngân hàng, tài chính, vận tải, bưu chính viễn thông... giáo dục và đào tạo góp phần tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Các cơ quan chức năng cần thể hiện rõ vai trò tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp và tạo cơ

sở cho các cơ quan quản lý quản lý tốt hoạt động này. Bên cạnh đó, cần có các quy định cụ thể để vừa tạo điều kiện cho hoạt động giáo dục đào tạo phát triển, vừa quản lý tốt hoạt động này.

4.2. Định nghĩa các sản phẩm và tổ chức giáo dục rõ ràng hơn

Hiện nay vẫn còn thiếu hành lang pháp lý cho việc thành lập các tổ chức giáo dục đào tạo với mô hình giáo dục mới. Chẳng hạn, một cơ sở đào tạo muốn thành lập một Học viện Giám đốc để đào tạo ra một thế hệ lãnh đạo doanh nghiệp mới cho đất nước hay một nhà đầu tư nước ngoài muốn thành lập một Học viện Điện ảnh để cung cấp đội ngũ làm phim có trình độ quốc tế cho Việt Nam nhưng quá trình tìm hiểu để xin thành lập các Học viện này rất khó khăn vì doanh nghiệp không biết phải bắt đầu từ đâu, xin cấp phép ở đâu, hoạt động theo Luật Giáo dục hay Luật Dạy nghề... Để khuyến khích sự phát triển đa dạng của hệ thống giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, một hành lang pháp lý tạo điều kiện cho nỗ lực thành lập các mô hình giáo dục mới cần được phát triển để bắt kịp nhu cầu đó.

4.3. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục

Hiện nay có nhiều văn bản điều chỉnh hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo có yếu tố nước ngoài như Nghị định 06/2000/NĐ-CP ngày 06/03/2000 điều chỉnh hoạt động của cơ sở giáo dục đào tạo có vốn FDI; Nghị định 18/2001/NĐ-CP ngày 04/05/2001 quy định về lập và hoạt động của các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài không nhằm mục đích lợi nhuận tại Việt Nam và Nghị định 165/2004/NĐ-CP áp dụng cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục (*chủ yếu là hợp tác phát triển*). Quy định như vậy khiến cho việc phân định phạm vi hoạt động được phép của các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn FDI cũng như cơ quan quản lý các cơ sở này rất phức tạp, nhiều trường hợp không vận dụng được hoặc vận dụng không nhất quán như trường hợp cho phép đào tạo học sinh Việt Nam ở cấp tiểu học và trung học cơ sở ở Trường Quốc tế dạy bằng tiếng Anh tại thành phố Hồ Chí Minh. Hơn nữa, Nghị định 06/2000/NĐ-CP được ban hành năm 2000 căn cứ vào Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đến nay đã được thay thế bằng Luật Đầu tư áp dụng chung cho cả đầu tư trong nước và nước ngoài. Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư quy định phân cấp triệt để việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các địa phương, do vậy, trình tự, thủ tục đầu tư cũng đã thay đổi. Ngoài ra còn có những quy định riêng cho lĩnh vực dạy nghề. Để thống nhất quản lý cũng như tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, cần rà soát các quy định hiện hành để sửa đổi, bổ sung theo hướng đưa các quy định đặc thù chuyên ngành giáo dục đào tạo đối với các trường hợp

có yếu tố nước ngoài vào một văn bản để vừa bao quát hết các loại hình vừa thuận tiện cho việc áp dụng

4.4. Về công tác hướng dẫn thủ tục, kêu gọi đầu tư vào các dự án giáo dục đào tạo

Để có cơ sở kêu gọi đầu tư vào dịch vụ giáo dục, trước mắt cần nghiên cứu toàn diện về nhu cầu học tập ở từng cấp học, từng ngành và từng phương thức đào tạo, từ đó có quy hoạch cho mạng lưới các trường, các cơ sở giáo dục đào tạo. Yêu cầu của quy hoạch này là chỉ ra nhu cầu phát triển cho từng giai đoạn, trên cơ sở đó cơ quan quản lý giáo dục sẽ cân đối phân vốn trong khả năng của ngân sách Nhà nước có thể đáp ứng, phần còn lại kêu gọi từ các nguồn vốn khác, trong đó có nguồn vốn FDI. Đây sẽ là thông tin cơ bản và quan trọng nhất để nhà đầu tư tham khảo khi họ tìm kiếm cơ hội đầu tư. Tuy nhiên, quy hoạch này cũng nên được hiểu một cách linh hoạt, nghĩa là không chỉ những dự án trong quy hoạch mới được phép triển khai, mà nếu trong quá trình nghiên cứu, nhà đầu tư thấy rằng có thể đầu tư một cơ sở giáo dục đào tạo nào đó chưa có trong quy hoạch thì ý tưởng, dự án này vẫn cần được xem xét, thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành.

Một vấn đề nữa cần được quan tâm trong quá trình hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là việc tìm kiếm địa điểm. Đặc thù của cơ sở giáo dục đào tạo chất lượng quốc tế là yêu cầu có diện tích tương đối lớn để xây dựng giảng đường, phòng học, thư viện, khu nghiên cứu... Ngoài ra, địa điểm cũng phải thuận lợi cho việc thu hút học sinh, sinh viên đến học. Cho đến nay, rất ít cơ sở giáo dục đào tạo được cấp phép đáp ứng được yêu cầu này mà chủ yếu là các cơ sở quy mô nhỏ, hầu hết thuê địa điểm để cải tạo lại thành các phòng học. Vì vậy, cùng với những ưu đãi về giá thuê địa điểm để giảm một phần chi phí xây dựng dự án, các địa phương cần phải quy hoạch địa điểm cụ thể để phù hợp với những đặc điểm riêng nêu trên, đồng thời phải tích cực hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu, tìm hiểu, khảo sát địa điểm. Đối với những khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp, cùng với việc quan tâm xây dựng các công trình phúc lợi, nhà ở cho công nhân, cần quy hoạch địa điểm dành cho các trường dạy nghề và các trung tâm đào tạo kỹ năng để tạo điều kiện thu hút đầu tư vào các cơ sở này phục vụ nhu cầu học nghề của số lượng lớn công nhân.

Để thúc đẩy FDI vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, trước mắt cần xây dựng và triển khai ngay hoạt động xúc tiến đầu tư theo chuyên ngành này, theo đó cần có nghiên cứu và chuẩn bị thật tốt các thông tin về dự án kêu gọi đầu tư cũng như thông tin về khả năng đầu tư của các đối tác để có sự vận động thích hợp, đặc biệt là việc theo sát, tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư ngay từ khi họ có ý định đầu tư tại Việt Nam để có cơ sở hình thành ý tưởng và xây dựng dự án.

4.5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục

- *Về công tác thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư*

Theo quy định hiện hành, việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư đã được phân cấp cho các địa phương. Tuy nhiên, giáo dục đào tạo là lĩnh vực đầu tư có điều kiện nên trong quá trình thẩm tra, địa phương phải lấy ý kiến Bộ quản lý ngành và Bộ chuyên ngành có trách nhiệm thẩm tra việc đáp ứng các điều kiện của dự án (theo Điều 50 Nghị định 108 số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Để bảo đảm thời gian cũng như chất lượng công tác thẩm tra, các cơ quan được hỏi ý kiến cần nghiên cứu trả lời trong thời hạn luật định và cần trả lời trực tiếp vào những vấn đề thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của mình. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, với tư cách là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài cần phối hợp chặt chẽ với Bộ quản lý ngành để thông báo kịp thời cho nhà đầu tư nước ngoài những thay đổi về cơ chế chính sách, về điều kiện kinh doanh và hướng dẫn họ thực hiện các thủ tục để công việc tiến hành thuận lợi.

- *Về công tác quản lý sau cấp phép*

Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với dự án có vốn FDI, trong đó có dự án giáo dục đào tạo. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan quản lý trực tiếp dự án trên địa bàn. Hiện nay, việc quản lý dự án có vốn FDI thường chỉ do Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, do vậy chỉ nắm được tình hình từ khía cạnh đầu tư, trong khi hoạt động của dự án, đặc biệt là dự án giáo dục đào tạo liên quan đến rất nhiều vấn đề khác như đăng ký chương trình giảng dạy, kiểm tra chất lượng, cấp văn bằng, chứng chỉ... Để thực hiện tốt chức năng này, đặc biệt là đối với các dự án phức tạp, ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội như giáo dục đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan (Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Tài chính...), trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị làm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc theo dõi, quản lý, giám sát tình hình hoạt động của các cơ sở này. Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho các cán bộ làm công tác quản lý là rất quan trọng. Do vậy, các Bộ như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tăng cường công tác tập huấn, phổ biến pháp luật cho các Sở theo ngành để quán triệt, thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước, tránh tình trạng một số nơi còn thiếu hiểu biết về pháp luật hoặc không kịp thời nắm bắt thông

tin về các quy định mới ban hành, dẫn đến không rõ trách nhiệm quản lý của mình.

Công tác quản lý sau cấp phép không chỉ giới hạn ở việc nắm thông tin và giám sát hoạt động mà với tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ quan quản lý cần phải giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho các dự án đầu tư triển khai thuận lợi và đúng pháp luật. Việc tập trung chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời các nhà đầu tư đang có dự án hoạt động hiệu quả vừa giúp cho nhà đầu tư giải quyết các vấn đề phát sinh, vừa có ý nghĩa quan trọng và có sức thuyết phục để vận động nhà đầu tư mới.

- *Về việc đơn giản hóa thủ tục đối với các tổ chức giáo dục đào tạo nước ngoài*

Theo Nghị định 93/2005/NĐ-CP ngày 13/07/2005 và Thông tư 24/2005/ TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2005, trong khi các vị trí trưởng đại diện và giám đốc chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài được miễn giấy phép lao động thì các vị trí Tổng giám đốc, giám đốc, phó tổng giám đốc, phó giám đốc không được miễn. Trên thực tế, đây cũng là các vị trí quản lý tương tự, do vậy, cũng nên được đối xử tương tự, tức là miễn, “*giấy phép lao động*”. Ngoài ra, các thủ tục cấp giấy phép lao động cần được xem xét lại và tinh giản, đặc biệt là việc thừa nhận các chứng chỉ, bằng cấp nước ngoài.

- *Về việc quản lý chất lượng giảng dạy và bảo đảm quyền lợi của học viên*

Mặc dù các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn FDI là các cơ sở tư nhân do nhà đầu tư thành lập và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình, nhưng do đây là dịch vụ đặc biệt, có liên quan đến con người nên cần quản lý chặt chẽ. Theo quy định hiện hành, các cơ sở giáo dục đào tạo có vốn FDI phải đăng ký nội dung và chương trình giảng dạy với cơ quan quản lý giáo dục trước khi tuyển sinh. Bên cạnh đó, cần có cơ chế kiểm soát và cơ quan kiểm định chất lượng độc lập, có khả năng đánh giá khách quan chất lượng các cơ sở giáo dục đào tạo, một mặt làm cơ sở cho học viên lựa chọn nơi cung cấp dịch vụ, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý.

- *Về việc liên thông văn bằng quốc tế và trong nước*

Hiện tại, các văn bằng như Diploma, Associate Diploma của nước ngoài hay liên kết với quốc tế để đào tạo tại Việt Nam thực tế đã hoàn toàn liên thông được với giáo dục đại học quốc tế nhưng lại chưa liên thông được trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Một chính sách minh bạch và phù hợp hơn về liên thông văn bằng quốc tế và trong nước là rất cần thiết vì sẽ góp phần xây dựng cơ sở cho việc tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tại Việt Nam cũng như việc trao đổi sinh viên giữa đại học Việt Nam với các đại học quốc tế.

4.6. Nghiên cứu mở rộng các mô hình thu hút nguồn vốn FDI vào phát triển dịch vụ giáo dục

Trong thời gian qua, số lượng học sinh, sinh viên đi du học ngày càng đông, trong đó, tỷ lệ du học tự túc ngày càng lớn bên cạnh nguồn học bổng tài trợ từ các tập đoàn, Chính phủ. Hàng năm, có tới vài chục ngàn học sinh, sinh viên đi du học bằng con đường tự túc. Điều đó chứng tỏ nhu cầu được học trong các trường đạt tiêu chuẩn quốc tế là khá cao. Bên cạnh đó, với đà thu hút đầu tư như hiện nay, hiện tượng thiếu lao động qua đào tạo và có chất lượng để cung cấp cho các dự án mới là rất trầm trọng. Do đó, cùng với thu hút nguồn vốn FDI, cần nghiên cứu cho phép thêm và có cơ chế khuyến khích một số phương thức, mô hình đào tạo mới như:

- *Việc đào tạo, dạy nghề phải gắn với nhu cầu của thị trường lao động.* Để đào tạo đúng hướng, cần xây dựng đề án và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp có nhu cầu lớn về lao động tự thành lập cơ sở dạy nghề hoặc kết hợp chặt chẽ, hỗ trợ các cơ sở dạy nghề sẵn có tổ chức dạy nghề theo yêu cầu hoặc đơn đặt hàng.
- *Cho phép nhà đầu tư nước ngoài góp vốn mua cổ phần trong các cơ sở giáo dục của Việt Nam* để tận dụng lợi thế của các cơ sở sẵn có, đồng thời tạo điều kiện cho họ đầu tư thêm cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy và trong nhiều trường hợp, việc đầu tư này không chỉ nâng cấp cơ sở hiện có mà còn tận dụng được kinh nghiệm của nhà đầu tư nước ngoài.
- *Cho phép các cơ sở giáo dục của Việt Nam nếu có điều kiện thì thuê tổ chức quản lý giáo dục nước ngoài để tạo lập cơ sở giáo dục đào tạo theo chuẩn quốc tế.* Theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài trước đây cũng như Luật Đầu tư hiện nay, việc thuê tổ chức quản lý của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là được phép, nhất là đối với các lĩnh vực cần kỹ năng quản lý chuyên sâu như kinh doanh bất động sản, khám chữa bệnh, giáo dục đào tạo; tuy nhiên, trên thực tế mới chỉ có các dự án kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê, sân golf là sử dụng phương thức này. Đây là phương thức tiên tiến được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới, nhất là trong trường hợp nhà đầu tư không đồng thời là nhà quản lý giáo dục.

Do vậy, nên nghiên cứu cho phép và khuyến khích các cơ sở giáo dục đào tạo sử dụng phương thức này.

5. Kết luận

Thực tiễn 20 năm thu hút FDI nói chung và trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nói riêng đã cho thấy những đóng góp to lớn của khu vực kinh tế này. Đây là kết quả của chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Mặc dù các văn bản hướng dẫn cho FDI trong giáo dục đào tạo được ban hành chậm hơn so với các quy định khác trong hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài nhưng cũng đã tạo

được hành lang pháp lý thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Tính đến nay đã thu hút được 94 dự án với tổng vốn đầu tư gần 140 triệu USD trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Trong quá trình đàm phán để gia nhập WTO, Việt Nam đã theo đuổi lập trường tích cực, chủ động và đã cam kết thực hiện GATS đối với tất cả 12 ngành dịch vụ, trong đó có giáo dục. Cam kết thực hiện GATS về giáo dục sẽ đặt giáo dục Việt Nam trước những thách thức cực kỳ to lớn. Nếu không có ý chí và quyết tâm đổi mới để phát triển thì giáo dục đại học sẽ không đủ sức cạnh tranh, bản sắc văn hóa dân tộc và những giá trị văn hóa truyền thống sẽ bị phai nhạt, tình trạng thất thoát chất xám ngày càng trầm trọng, quyền lợi người học sẽ bị xâm phạm, khoảng cách giữa Việt Nam và các nước phát triển sẽ ngày càng gia tăng. Do đó, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển dịch vụ giáo dục là một bước đi vô cùng đúng đắn trong điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất và khó khăn trong công tác quản lý giáo dục ở Việt Nam. Có chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hợp lý sẽ thúc đẩy sự phát triển dịch vụ giáo dục, góp phần nâng cao dân trí, cung cấp cho đất nước nguồn nhân lực có trình độ cao, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước, nâng vị thế nước ta lên một tầm cao mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TSKH.Vũ Ngọc Hải, *Giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, 504tr..
2. GS.TS.Nguyễn Đình Hương, *Việt Nam hướng tới nền giáo dục hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2007, 300tr..
3. PGS.TS.Nguyễn Hữu Khải, *Các ngành dịch vụ Việt Nam*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2007, 800tr .
4. PGS.TS.Nguyễn Thị Hường chủ biên, *Kinh doanh quốc tế (tập 2)*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội, 2005, 400tr..
5. Nguyễn Quang Kính và tập thể tác giả, *Giáo dục Việt Nam 1945-2005*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, 450tr.
6. Đặng Bá Lâm (chủ biên), *Quản lý nhà nước về giáo dục, lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, 350 tr.
7. Viện Sử học, *60 năm nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số thành tựu chủ yếu*, NXB KHXH, Hà Nội, 2005, 452 tr.
8. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng, *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, 250 tr.

9. Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức (đồng chủ biên) ,*Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, 300tr.
10. Đặng Bá Lãm ,*Giáo dục Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XXI - Chiến lược phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, 200tr.
11. PGS.TS.Nguyễn Thị Hương chủ biên, *Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (tập 1)*, NXB Thống Kê, 2002, 300tr.
12. Lê Văn Giang, *Những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học giáo dục*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, 280tr.